

Bản án số: **04/2023/DS-ST**
Ngày: 12/01/2023
V/v: “*Tranh chấp giao dịch dân sự*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ MỸ THO, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Vĩnh Lộc

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Phạm Thị Ngọc Vân
- Ông Võ Thành Nhân

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Diễm Hương - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Mỹ Tho.

Ngày 12 tháng 01 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 272/2022/TLST - DS ngày 11 tháng 10 năm 2022 về “*Tranh chấp hợp đồng góp hội*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 235/2022/QĐXXST - DS ngày 28 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà C, sinh năm 1960

Địa chỉ: 226 K, khu phố X, phường Y, TP. T, tỉnh Tiền Giang

Bị đơn: Bà K, sinh năm 1959

Địa chỉ: 7/18 N, phường Z, TP. T, Tiền Giang

Bà C có mặt; bà K vắng mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Tại đơn khởi kiện ngày 11 tháng 10 năm 2022 và quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà C trình bày:

Bà có tham gia hội do bà K làm chủ hội. Cụ thể những dây hội như sau:

Dây hội 1.000.000 đồng/tháng, khai ngày 10/02/2021, bà tham gia 04 phần. Bà đã đóng được 39.800.000 đồng.

Dây hội 1.000.000 đồng/tháng, khai ngày 10/5/2021, bà tham gia 07 phần. Bà đã đóng được 52.850.000 đồng.

Dây hội 1.000.000 đồng/tháng, khai ngày 10/02/2022, bà tham gia 05 phần. Bà đã đóng được 15.000.000 đồng.

Tổng cộng 03 dây hội bà đã đóng cho bà K số tiền 107.650.000 đồng.

Ngày 10/6/2022 bà K tuyên bố bãi hội. Bà K có làm giấy xác nhận số tiền vốn mà bà đã đóng cho bà K là 107.650.000 đồng và hứa bán nhà sẽ trả cho bà nhưng đến nay bà K vẫn chưa tiến hành làm thủ tục bán nhà mà cứ hẹn, cố tình kéo dài thời gian trả nợ.

Nay bà yêu cầu bà K trả cho bà số tiền 107.650.000 đồng, không tính lãi, trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Tại bản tự khai ngày 12 tháng 11 năm 2022 và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà K trình bày:

Bà thống nhất với các dây hội mà bà C tham gia. Bà thừa nhận số tiền vốn mà bà C đã đóng hội cho bà là 107.650.000 đồng. Do các hội viên tham gia không đóng hội nên bà không có tiền để giao cho bà C và tuyên bố bãi các dây hội. Bà đồng ý trả số tiền cho bà C nhưng vì hoàn cảnh khó khăn nên xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định cho đến khi trả xong nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về sự vắng mặt của đương sự: Bà K có đơn xin vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đương sự là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền: Bà C yêu cầu bà K trả số tiền nợ hội, nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là *“Tranh chấp hợp đồng góp hội”* theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại phường Z, thành phố T, tỉnh Tiền Giang, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[3] Xét yêu cầu của bà C đòi bà K trả số tiền 107.650.000 đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy: Tại bản trình bày ý kiến và quá trình giải quyết vụ án, bà K thừa nhận bà C có tham gia hội và có nợ bà C số tiền nói trên. Khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: *“Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”*. Như vậy, việc bà C có tham gia hội và đã đóng hội cho bà K số tiền 107.650.000 đồng là có thật.

[4] Bà K không tổ chức các kỳ mở hội và tuyên bố vỡ hội là đã đơn phương chấm dứt hợp đồng với bà C và các hội viên khác. Bà K trình bày lý do bà

không giao hụi cho bà C là do các hụi viên khác không đóng hụi, tuy nhiên giữa các bên không có thỏa thuận về việc chấm dứt hụi này. Do đó, bà K bị xem là đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng không có căn cứ, theo quy định tại khoản 5 Điều 428 của Bộ luật Dân sự nên bà K có nghĩa vụ trả lại cho bà C số tiền hụi đã đóng là 107.650.000 đồng.

[5] Trong “*Biên nhận*” ngày 08/7/2022, các bên thỏa thuận với nhau với nội dung: “*tôi sẽ hoàn trả chị khi tôi bán được nhà*”. Đây là một thỏa thuận mới giữa bà C và bà K về điều kiện thực hiện nghĩa vụ trả tiền khi giải quyết hậu quả của việc chấm dứt hợp đồng. Thỏa thuận này phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 284 của Bộ luật Dân sự: “*Trường hợp các bên có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định về điều kiện thực hiện nghĩa vụ thì khi điều kiện phát sinh, bên có nghĩa vụ phải thực hiện*”. Do đó, khi bà K bán được nhà thì mới phải thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho bà C.

[6] Tuy nhiên, bà C trình bày bà K cố tình kéo dài thời gian, không tiến hành thủ tục bán nhà để trả tiền cho bà C. Căn cứ vào Công văn số 47/CNVPĐK-HCTH ngày 06/01/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Mỹ Tho về việc giải quyết hồ sơ thừa kế của ông Nguyễn Kim Hoàng thì hiện bà K từ chối nhận thừa kế căn nhà và để con là ông Nguyễn Kim Ngân và bà Nguyễn Thị Kim Ngọc nhận thừa kế đối với nhà đất tại số 7/18 Nguyễn Văn Nguyễn, phường 8, TP. Mỹ Tho. Khi bà K từ chối nhận thừa kế thì không còn trở thành chủ sở hữu hợp pháp đối với nhà, đất nêu trên nên không thể thực hiện việc bán nhà để trả nợ cho bà C được là đã cố ý cản trở làm cho điều kiện thực hiện nghĩa vụ không xảy ra được.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 284 của Bộ luật Dân sự thì: “*Trường hợp điều kiện không xảy ra hoặc xảy ra do có sự tác động của một bên thì áp dụng quy định tại khoản 2 Điều 120 của Bộ luật này*”.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 120 của Bộ luật Dân sự thì: “*Trường hợp điều kiện làm phát sinh hoặc hủy bỏ giao dịch dân sự không thể xảy ra được do hành vi cố ý cản trở trực tiếp hoặc gián tiếp của một bên thì coi như điều kiện đó đã xảy ra; trường hợp có sự tác động trực tiếp hoặc gián tiếp của một bên có ý thúc đẩy cho điều kiện xảy ra thì coi như điều kiện đó không xảy ra*”.

Vì vậy, trong trường hợp này, điều kiện thực hiện nghĩa vụ trả tiền được coi là đã xảy ra và đến hạn thực hiện. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà C, buộc bà K phải có nghĩa vụ trả cho bà C số tiền nợ 107.650.000 đồng.

[7] Bà K trình bày do hoàn cảnh khó khăn nên xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Xét thấy:

Theo quy định tại khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Dân sự: “*Nghĩa vụ trả tiền phải được thực hiện đầy đủ, đúng thời hạn, đúng địa điểm và phương thức đã thỏa thuận*”.

Theo quy định tại Điều 354 của Bộ luật Dân sự: “*1. Khi không thể thực hiện được nghĩa vụ đúng thời hạn thì bên có nghĩa vụ phải thông báo ngay cho*

bên có quyền biết và đề nghị được hoãn việc thực hiện nghĩa vụ” và “2. Bên có nghĩa vụ được hoãn việc thực hiện nghĩa vụ, nếu được bên có quyền đồng ý”.

Xét thấy, như nhận định tại mục [6] thì thời điểm thực hiện nghĩa vụ của bà K đối với bà C đã đến hạn thực hiện. Bà K xin được hoãn thực hiện nghĩa vụ nhưng không được bà C đồng ý và giữa các bên cũng không có thỏa thuận nào khác. Do đó, yêu cầu xin trả dần tiền nợ của bà K không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Xét yêu cầu trả tiền lãi: Bà C rút lại yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu tính lãi. Việc rút yêu cầu của nguyên đơn là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ đối với phần yêu cầu này.

[9] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Tuy nhiên bà K là người cao tuổi và có đơn xin miễn tiền án phí nên được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[10] Về quyền kháng cáo đối với bản án: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 428, Điều 471, Điều 284, Điều 120, Điều 354 của Bộ luật Dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà C. Buộc bà K trả cho bà C số tiền 107.650.000 đồng (Một trăm lẻ bảy triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng).

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà C đối với yêu cầu tính lãi chậm trả đối với số tiền nợ 107.650.000 đồng.

3. Về án phí: Bà K được miễn tiền án phí do là người cao tuổi.

4. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà C cho đến khi thi hành án xong, bà K Kiểm còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Các đương sự;
- Chi Cục THADS;
- Lưu.

TM - HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Vĩnh Lộc